

NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NGŨ LIỆU CHỦ ĐỀ BIỂN ĐẢO TRONG MÔN TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

**Nguyễn Thị Xuân Yên¹⁺,
Bùi Nguyễn Bích Thy¹,
Lê Nam Sơn²**

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;
²Lữ đoàn 125 - Bộ Tư lệnh Hải quân vùng 2
+ Tác giả liên hệ • Email: yennntx@hcmue.edu.vn

Article History

Received: 03/3/2020

Accepted: 10/4/2020

Published: 20/5/2020

Keywords

linguistic data, sea & island topic, principles, criteria, Vietnamese Language in primary education.

ABSTRACT

By researching the importance of linguistic data in teaching Vietnamese language in primary education generally, teaching reading specifically; the meaning of Sea and Island topic in teaching; the situation of teaching Sea & Island topic in Vietnamese language in primary education, this paper proposes principles and criteria in building Sea & Island topic's linguistic data in Vietnamese language primary education regarding to requirements of the General Education Program 2018 and Vietnamese Literature General Education Program 2018. The proposed principles and criteria are supportive for textbook writers, teachers and people who are interested in building high-quality sea & island topic's linguistic data in Vietnamese Language primary education. They also contribute to enhancing primary school pupils' reading abilities about the sea and island topic.

1. Mở đầu

Trong dạy học (DH) Tiếng Việt (TV), ngữ liệu (NL) đóng vai trò quan trọng và thiết yếu. Nó vừa là đối tượng nghiên cứu của học sinh (HS), vừa là kim chỉ nam hướng tới mục tiêu của chủ đề, của bài học, môn học. Theo đó, một trong những điều kiện quan trọng để DH TV, DH đọc hiểu ở tiểu học (TH) đạt được mục tiêu là cần có NL chất lượng. Hơn nữa, quan điểm xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông là “bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực cho người học” (Bộ GD-ĐT, 2018a, tr 5) nên đòi hỏi cần có NL phong phú, đa dạng, chất lượng và hiệu quả thì mới đáp ứng được quan điểm đó.

Một trong những vấn đề được quan tâm hiện nay trong DH và tổ chức các hoạt động giáo dục là chủ đề biển đảo, bởi vì, thế kỉ XXI được xem là “thế kỉ của đại dương”. Nhờ khoa học kĩ thuật phát triển, nhiều tài nguyên quý giá được khai thác từ biển đảo, nhất là khi tài nguyên trên đất liền đã ngày càng cạn kiệt. Với diện tích hơn 1 triệu km², bờ biển dài 3260 km, 3600 đảo, quần đảo lớn nhỏ, 28/63 tỉnh/thành phố có biển, biển đảo từ bao đời nay đã gắn chặt với đời sống vật chất và tinh thần của người dân đất Việt (Quân chủng Hải quân, 2016, tập 1, tr 25-27). Tuy nhiên, hiện nay, nước ta đang đứng trước những thách thức to lớn về vấn đề khai thác nguồn tài nguyên, về môi trường và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Ngày 9/02/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” (Ban Chấp hành Trung ương, 2007). Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 22/10/2018 đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW “về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045” nhằm thống nhất nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của biển đảo trong toàn Đảng, toàn dân, đẩy mạnh hơn nữa chiến lược biển, đưa Việt Nam phát triển theo hướng biển, giàu mạnh lên từ biển (Ban Chấp hành Trung ương, 2018).

DH TV nói chung và DH đọc hiểu trong môn TV TH nói riêng là một trong những con đường có nhiều lợi thế nhằm nâng cao nhận thức của HS về biển đảo, về ý thức trách nhiệm với biển đảo ngay từ khi các em còn nhỏ; bởi vì môn Ngữ văn nói chung, môn TV cấp TH nói riêng “là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mĩ - nhân văn; giúp HS có phương tiện giao tiếp, làm cơ sở để học tập tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác trong nhà trường” (Bộ GD-ĐT, 2018b, tr 3). Tuy nhiên, các NL về chủ đề biển đảo trong môn TV TH còn chưa phong phú, chưa có tính hệ thống, nội dung chưa hấp dẫn, một số NL chưa cập nhật những vấn đề mới của tình hình biển đảo trên thế giới và trong nước.

Bài viết này đề xuất các nguyên tắc và tiêu chí xây dựng NL chủ đề biển đảo trong môn TV TH đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các đề xuất sẽ giúp tác giả sách giáo khoa (SGK), giáo viên (GV) và

những tổ chức, cá nhân quan tâm, xây dựng NL chủ đề biển đảo có chất lượng, hiệu quả trong DH môn TV TH, góp phần nâng cao năng lực đọc hiểu chủ đề biển đảo cho HS TH.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm ngữ liệu, vai trò, yêu cầu về ngữ liệu trong dạy học Tiếng Việt và dạy học đọc hiểu ở tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

“NL là tư liệu ngôn ngữ được dùng làm căn cứ để nghiên cứu ngôn ngữ” (Nguyễn Như Ý và cộng sự, 2005, tr 510). Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 cho rằng NL là “*từ âm, chữ cho đến văn bản (VB) hoặc trích đoạn VB thuộc các loại VB và thể loại thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm chất liệu để DH*” (Bộ GD-ĐT, 2018b, tr 87). Tác giả Nguyễn Thị Xuân Yên, sau khi bàn luận về khái niệm “literacy”, “*đa năng lực giao tiếp*”, đã đề xuất NL biên soạn SGK TV TH: “NL phải đa phong cách VB, đa phương thức; NL không chỉ là VB bằng kênh ngôn ngữ hay hình ảnh có tính chất minh họa cho VB ấy mà còn được thể hiện “*đa phương thức*” (Nguyễn Thị Xuân Yên, 2018, tr 3). Để làm rõ cách hiểu “*đa phương thức*” của NL, tác giả đã dẫn quan niệm của Cope, B., & Kalantzis, M.: “*Một người có năng lực literacy trong thế giới đương đại cần phải có năng lực giao tiếp vượt ra khỏi kênh ngôn ngữ viết hay nói. Theo đó, đa phương thức, văn hoá, sự đa dạng của xã hội đã được đưa vào khái niệm năng lực literacy hiện nay*” (Cope, B., & Kalantzis, M., 2000, tr 66).

Như vậy, NL không chỉ dùng làm căn cứ nghiên cứu mà nó còn là chất liệu DH và tổ chức hoạt động giáo dục trong môn TV TH nhằm hình thành và phát triển cho HS năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học - hai năng lực đặc thù của môn Ngữ văn. Theo cách hiểu này thì NL DH đọc hiểu môn TV TH là âm, chữ, từ ngữ, câu, đoạn văn, VB thuộc các loại VB và thể loại, được thể hiện đa phương thức, dùng làm chất liệu để HS nghiên cứu, thực hành giao tiếp nhằm hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu nói riêng và năng lực đọc nói chung cho HS TH.

Với vai trò và ý nghĩa quan trọng trong DH và tổ chức các hoạt động giáo dục như vậy nên NL là một trong 3 nội dung giáo dục được quy định rất cụ thể và rõ ràng trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018.

Chương trình quy định 4 tiêu chí để lựa chọn NL: phục vụ trực tiếp cho mục tiêu; phù hợp với HS; đặc sắc về nội dung và nghệ thuật; đảm bảo về nội dung tư tưởng và đưa ra 6 tác phẩm là NL bắt buộc lựa chọn (Bộ GD-ĐT, 2018b, tr 15-17), đồng thời gợi ý danh mục VB (Bộ GD-ĐT, 2018b, tr 92-110) để tác giả SGK, GV và những tổ chức, cá nhân quan tâm có định hướng xây dựng NL. CT còn quy định yêu cầu cho từng lớp về từng loại VB văn học, VB thông tin. Đối với cấp TH, CT quy định độ dài của từng loại VB theo từng lớp.

Đối với kĩ năng đọc hiểu, CT quy định về “*đối tượng đọc gồm VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin*” và quy định các yêu cầu cần đạt cho đọc hiểu mỗi kiểu VB và thể loại, đồng thời quy định yêu cầu cần đạt cho “*đọc mở rộng, học thuộc lòng một số đoạn, VB văn học chọn lọc*” (Bộ GD-ĐT, 2018b, tr 12-13).

2.2. Biển đảo và ý nghĩa của chủ đề biển đảo trong dạy học đọc hiểu ở tiểu học

Biển và đại dương chiếm hơn 70% bề mặt Trái Đất. Biển đóng vai trò trung tâm trong mối tương tác đại dương - khí hậu. Đại dương là nơi dự trữ nguyên nhiên liệu và lương thực, thực phẩm cho con người; có tiềm năng to lớn về tài nguyên thiên nhiên, tạo ra những lợi thế phát triển cho các quốc gia. Nhiều quốc gia đã hoạch định chiến lược tổng thể về biển với những chủ trương và chính sách cụ thể, trong đó có giáo dục và đào tạo.

Việt Nam là quốc gia ven biển, nằm ở bờ Tây Biển Đông. Cả nước có khoảng 15,5 triệu người sống gần bờ biển và 16 vạn người sống ở đảo, quần đảo. Các ngành kinh tế biển đóng góp cho nền kinh tế đất nước trên 50% GDP (Quản chủng Hải quân, 2016, tập 2, tr 67, tr 69). Biển đảo từ bao đời đã gắn với những giá trị thiêng liêng tâm linh và lịch sử, là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

Tuy nhiên, hiện nay, biển đảo thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ và thách thức nghiêm trọng.

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa và tiềm năng to lớn cũng như những thách thức to lớn của biển đảo hiện nay, ngày 22/9/1997, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng CNH, HĐH; gắn phát triển kinh tế biển trong tổng thể kinh tế của cả nước, kinh tế biển gắn với kinh tế các vùng miền và trong xu thế hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

Từ yêu cầu và định hướng đó, việc đưa chủ đề biển đảo vào các hoạt động GD-ĐT là tất yếu. Nâng cao nhận thức của HS về vai trò, tầm quan trọng của biển đảo, về ý thức trách nhiệm với biển đảo quê hương là một trong những biểu hiện cụ thể của mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018: “*giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương, ...*” (Bộ GD-ĐT, 2018b, tr 5).

2.3. Thực trạng tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu chủ đề biển đảo trong môn Tiếng Việt tiểu học

Khảo sát NL DH phân môn Tập đọc ở SGK TV từ lớp 1 đến lớp 5 (Bộ GD-ĐT, 2015a, b, c, d, e), kết quả cho thấy: số lượng NL biển đảo chiếm 6% (23/385); VB khoa học về biển đảo không có, VB thông tin chiếm 9% (2/23); một số vấn đề của biển đảo như bảo vệ môi trường biển, văn hóa biển,... chưa thấy xuất hiện; các NL chưa được sắp xếp hệ thống; hình thức thể hiện NL chưa phong phú, chưa hấp dẫn,...

Tiếp đó, khảo sát thực trạng tổ chức DH đọc hiểu chủ đề biển đảo trong môn TV với 10 cán bộ quản lý, 60 GV và 150 HS từ lớp 1 - 5 của Trường TH Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp và Trường TH Hồng Hà, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 3/2020). Nội dung khảo sát là: (i) *Đối với cán bộ quản lý, GV*: Nhận thức, quan niệm về DH đọc hiểu chủ đề biển đảo; Hình thức GV đã sử dụng khi tổ chức DH đọc hiểu chủ đề biển đảo cho HS; Những thuận lợi và khó khăn của GV; Những kinh nghiệm, đề xuất giải pháp của cán bộ quản lý, GV trong quá trình DH đọc hiểu chủ đề biển đảo; Những mong muốn của GV về tài liệu, kế hoạch, các biểu mẫu hướng dẫn trong DH đọc hiểu chủ đề biển đảo. (ii) *Đối với HS*: Mức độ hứng thú đọc các VB chủ đề biển đảo; Mức độ tham gia đọc hiểu chủ đề biển đảo; Mức độ mong muốn được đọc hiểu các phong cách VB/thể loại VB chủ đề biển đảo; Những thuận lợi, khó khăn khi đọc hiểu VB chủ đề biển đảo. Kết quả khảo sát cho thấy:

(i) *Về nhận thức*: 87,1% CBQL và GV có sự hiểu biết về NL đọc nhưng chưa đầy đủ (hầu hết GV chỉ quan tâm đến VB đọc mà bỏ qua phần tranh minh họa, chú thích và hệ thống câu hỏi). Kết quả này cho thấy GV tổ chức DH VB đọc chú trọng hơn về luyện đọc, phân khai thác tranh minh họa, đọc hiểu, mở rộng vốn từ cho HS thông qua đọc chưa được chú ý. Khoảng 92,9% CBQL và GV nhận thấy vai trò của NL đọc chủ đề biển đảo đối với việc phát triển các phẩm chất và năng lực chung cũng như phát triển các năng lực đặc thù của môn TV cho HS. 73,4% GV quan niệm DH đọc hiểu chủ đề biển đảo chỉ tập trung vào thơ, văn xuôi liên quan đến bảo vệ chủ quyền biển đảo; có 92,6% HS mong muốn đọc hiểu các VB khoa học về thế giới loài cây, loài sinh vật ở biển đảo thì GV không đề cập. Nguyên nhân là do đa số GV phụ thuộc hoàn toàn vào NL trong SGK;

(ii) *Về quá trình tổ chức hoạt động DH đọc hiểu chủ đề biển đảo*: 100% GV dùng hình thức hỏi - đáp, chủ yếu dựa vào hệ thống câu hỏi tìm hiểu bài trong SGK; 57,1% GV sử dụng bài tập trắc nghiệm, 27,1% GV sử dụng trò chơi và 8,6% GV dùng sơ đồ, bảng biểu. Như vậy, GV chưa chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong DH. 80% GV và HS đều cho rằng NL đọc trong SGK có những bất cập khiến cho GV và HS gặp khó khăn, ít hứng thú như: dung lượng VB đọc dài, xuất hiện nhiều từ khó hiểu, một số từ ngữ chưa gắn với ngữ cảnh bài đọc; tranh ảnh chưa lôi cuốn HS TH; các câu hỏi tìm hiểu bài đôi khi mang tính áp đặt,...

Thực trạng trên khẳng định kết quả khảo sát là có cơ sở: 100% CBQL, GV mong muốn nâng cao hiệu quả hoạt động DH đọc hiểu chủ đề biển đảo ở nhà trường với các giải pháp: xây dựng tiêu chí biên soạn NL đọc chủ đề biển đảo để GV tìm kiếm, chọn lọc hoặc biên tập lại các NL từ sách, báo, tạp chí, Internet; có tài liệu minh họa một số hoạt động DH đọc hiểu chủ đề biển đảo như một nguồn tham khảo cho GV.

2.4. Nguyên tắc và tiêu chí xây dựng ngữ liệu chủ đề biển đảo trong môn Tiếng Việt ở tiểu học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018

2.4.1. Các nguyên tắc

2.4.1.1. Đảm bảo mục tiêu hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh tiểu học

Cơ sở đề xuất nguyên tắc này là mục tiêu môn học TV TH, cụ thể là mục tiêu DH đọc hiểu. Hình thành và rèn luyện kỹ năng đọc nói chung và đọc hiểu nói riêng là một trong những mục tiêu của môn học TV TH. Căn cứ vào mục tiêu của môn học, căn cứ vào yêu cầu cần đạt về kỹ năng đọc, đọc hiểu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, chúng tôi xác định 4 kỹ năng cơ bản cần rèn luyện cho HS TH trong môn TV là: *đọc hiểu nội dung VB, đọc hiểu hình thức VB, liên hệ so sánh liên VB, đọc mở rộng*. Đối với các lớp cấp TH, 4 kỹ năng này còn liên hệ mật thiết với đọc kỹ thuật. Các kỹ năng cơ bản này đều xuất phát từ mục tiêu chung. Tuy nhiên, dưới các hành động và thao tác khác nhau thì mỗi kỹ năng cơ bản lại thực hiện mục tiêu riêng. Các kỹ năng cơ bản sẽ là nền tảng để xây dựng NL chủ đề biển đảo, góp phần hỗ trợ việc hình thành và rèn luyện *kỹ năng đọc hiểu*. Đây là nguyên tắc trung tâm, bao trùm, chi phối việc xây dựng NL chủ đề biển đảo trong DH đọc hiểu trong môn TV TH.

Các yêu cầu của nguyên tắc này là: (i) *NL phải giúp HS đọc hiểu được nội dung VB, hình thức VB, biết liên hệ, so sánh, kết nối VB (liên VB) theo yêu cầu cần đạt của từng lớp; biết tìm nguồn sách, báo, ... cách đọc trên Internet để đọc theo yêu cầu tối thiểu về số lượng VB chủ đề biển đảo (thể loại, phong cách, độ dài), về học thuộc lòng các đoạn văn, đoạn thơ; (ii) NL là chất liệu chứa được các kiến thức TV, kiến thức văn học để đảm bảo yêu cầu cần đạt về kiến thức cho HS từng lớp.*

2.4.1.2. Đảm bảo những định hướng cốt lõi trong giáo dục đào tạo học sinh về biển đảo

Chủ đề biển đảo có thể chia thành 6 tiểu chủ đề: Thiên nhiên biển đảo; Văn hóa biển đảo; Tài nguyên biển đảo; Phát triển kinh tế biển đảo; Biển đảo và những vấn đề toàn cầu; Bảo vệ và giữ gìn biển đảo.

Nâng cao nhận thức của HS về biển đảo, về ý thức trách nhiệm với biển đảo xoay quanh 6 tiểu chủ đề này. Từ các hiện tượng thiên nhiên như sóng, nước, cảnh quan,..., HS sẽ cảm nhận được vẻ đẹp và những giá trị của biển đảo, tự hào và có ý thức bảo vệ, giữ gìn biển đảo. Những tập quán, lễ hội văn hóa vùng miền sẽ giúp HS cảm nhận được nền văn hóa biển đậm đà bản sắc dân tộc. HS sẽ được cung cấp thêm thông tin về nguồn tài nguyên phong phú của biển đảo là không chỉ có các loài hải sản, các sinh vật biển mà còn có các tài nguyên lớn như băng cháy, khí đốt, năng lượng thủy triều,... HS nhận biết được tầm quan trọng của biển bởi các ngành kinh tế chủ lực của đất nước, từ đó, các em sẽ cảm nhận được ý nghĩa của biển đảo đối với con người, nhận thức được những vấn đề nghiêm trọng của biển đảo như ô nhiễm môi trường, nước biển dâng, các hiện tượng thời tiết cực đoan,... Các em sẽ có ý thức giữ gìn môi trường biển đảo, hình thành kỹ năng sống, khả năng thích nghi với môi trường biển đảo. Với tiểu chủ đề bảo vệ, giữ gìn biển đảo, HS sẽ cảm nhận được hình ảnh của các chú bộ đội luôn chắc tay súng, những ngư dân vất vả lao động trên biển, những con tàu hay đơn giản là những biển báo, những đơn vị đo lường trên biển...

Các yêu cầu của nguyên tắc này là: (i) Phải có NL 6 tiểu chủ đề cho toàn cấp học; (ii) Xem xét nên đưa các vấn đề của từng tiểu chủ đề phù hợp với mỗi lớp trong toàn cấp học; (iii) Các vấn đề của từng tiểu chủ đề phải có mối quan hệ với nhau theo hướng đồng tâm và phát triển; (iv) HS nhận thức đúng, có ý thức trách nhiệm và những việc làm thiết thực, phù hợp để bảo vệ biển đảo.

2.4.1.3. Đảm bảo tính hệ thống, tính đa dạng và phong phú

Theo quan điểm hệ thống, kỹ năng đọc hiểu của HS với tư cách là một bộ phận của kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ; năng lực đọc hiểu là một bộ phận của năng lực giao tiếp của con người. Các kỹ năng đọc hiểu là một hệ thống bao gồm nhiều kỹ năng cơ bản. Mỗi kỹ năng cơ bản lại bao gồm nhiều kỹ năng cụ thể. Mỗi kỹ năng cụ thể với tư cách là các hành động, các thao tác nhằm thực hiện các mục đích bộ phận trong cấu trúc của kỹ năng cơ bản. Kỹ năng cụ thể vừa là nội dung, vừa là tiêu chuẩn để đánh giá việc hoàn thiện kỹ năng cơ bản.

NL cần được xây dựng theo một hệ thống kỹ năng tương ứng với hệ thống kỹ năng cơ bản, kỹ năng cụ thể. Về cơ bản, mỗi một hệ thống NL rèn một kỹ năng tương ứng, nhưng trong một bài học cụ thể, chúng ta không rèn luyện đồng đều tất cả các kỹ năng mà chỉ tập trung rèn luyện một số kỹ năng nào đó. Như vậy, trong quá trình thiết kế NL, có những NL được chú ý nhiều hơn. Tuy nhiên, tập hợp NL đã xây dựng đều phải bảo đảm tính đồng bộ. Hệ thống NL phải tương ứng với hệ thống kỹ năng cơ bản và kỹ năng cụ thể đã được xác định, tương ứng với 6 tiểu chủ đề về biển đảo; tương ứng với kiến thức TV và kiến thức văn học, tương ứng với yêu cầu về thể loại, về phong cách VB đã được quy định trong CT. Vì vậy, hệ thống NL phải mang tính đa dạng, phong phú. HS được rèn luyện các kỹ năng cụ thể càng nhiều thì các em càng thích ứng hơn với hoạt động đọc hiểu nhiều hơn.

Các yêu cầu của nguyên tắc này là: (i) Đảm bảo tính đồng tâm và phát triển các kỹ năng đọc hiểu (đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, so sánh, kết nối; đọc mở rộng); (ii) Đảm bảo tính phong phú, đa dạng về các tiểu chủ đề biển đảo; (iii) Đảm bảo phong phú và đa dạng về kiến thức TV, kiến thức văn học, về thể loại, về phong cách VB, về cách thức thể hiện VB.

2.4.1.4. Đảm bảo tính thực tiễn

NL chủ đề biển đảo được đưa vào DH TV TH với tư cách dùng làm chất liệu để DH nên phải xuất phát từ thực tiễn, phù hợp thực tiễn và để phục vụ thực tiễn DH đọc hiểu một cách hiệu quả. Xây dựng NL cần đảm bảo các yêu cầu: (i) Xác định cụ thể mục tiêu của môn học, mục tiêu của từng lớp, từng tuần, từng bài, từng hoạt động giáo dục, từ đó xác định các kỹ năng cơ bản, kỹ năng cụ thể. Căn cứ vào mục tiêu, căn cứ vào kỹ năng cơ bản và cụ thể để xây dựng hệ thống NL tương ứng, phù hợp, đảm bảo cả 6 tiểu chủ đề biển đảo. Số lượng NL phụ thuộc vào mục tiêu, các kỹ năng, các tiểu chủ đề biển đảo của từng lớp, từng tuần, từng bài, từng hoạt động giáo dục; (ii) NL còn phụ thuộc vào những khó khăn, thuận lợi của từng GV và từng HS. Hơn nữa, cần chú ý tính tích hợp của NL sao cho NL có thể dùng làm chất liệu DH đảm bảo nhiều mục tiêu, rèn luyện được nhiều kỹ năng cơ bản, kỹ năng cụ thể, có thể tích hợp được một số tiểu chủ đề. Hệ thống NL xây dựng phải bảo đảm tính vừa sức đối với năng lực ngôn ngữ, đặc điểm tư duy, vốn sống của HS TH. Do vậy, số lượng NL phải điển hình, phải có tính giáo dục cao, phù hợp với thực tiễn địa phương có hay không có biển đảo. Hiện nay, nhiều cơ sở giáo dục đã được trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại, năng lực sử dụng công nghệ thông tin của GV cũng được nâng cao nên; (iii) Cần quan tâm đến hình thức thể hiện đa phương thức của NL.

2.4.2. Các tiêu chí

Căn cứ vào yêu cầu của các nguyên tắc, chúng tôi đề xuất các tiêu chí xây dựng NL về chủ đề biển đảo. Các tiêu chí này vừa là căn cứ xây dựng vừa là căn cứ đánh giá chất lượng NL. Có 4 tiêu chí:

- *Tiêu chí 1:* Về phong cách và thể loại VB: (i) Đảm bảo tỉ lệ VB văn học và VB thông tin; (ii) Tỉ lệ VB truyện - thơ - kịch; (iii) Tỉ lệ VB trong nước - ngoài nước; (iv) Tỉ lệ VB dân gian - hiện đại.

- *Tiêu chí 2:* Về chủ đề biển đảo: (i) Đảm bảo nội dung tư tưởng - chính trị, đảm bảo chủ quyền lãnh thổ của đất nước; (ii) Đảm bảo tỉ lệ giữa 6 tiểu chủ đề biển đảo; (iii) Đảm bảo tỉ lệ giữa nội dung về biển đảo thế giới và trong nước; (iv) Đảm bảo cân đối giữa việc cung cấp thông tin và nâng cao ý thức trách nhiệm của HS với biển đảo.

- *Tiêu chí 3:* Về kĩ năng đọc hiểu: (i) Đảm bảo tỉ lệ mức độ đọc hiểu nội dung VB theo từng lớp; (ii) Đảm bảo tỉ lệ mức độ đọc hiểu hình thức VB theo từng lớp; (iii) Đảm bảo mức độ từng lớp trong đọc liên hệ, so sánh, kết nối.

- *Tiêu chí 4:* Về đọc mở rộng: (i) Đảm bảo nguồn tư liệu rõ ràng, dễ tìm kiếm; (ii) Đảm bảo yêu cầu tối thiểu về số lượng VB (thể loại, phong cách, độ dài) trong mối tương quan với các chủ đề khác.

3. Kết luận

Nguyên tắc là hệ thống quan điểm dựa trên những quy luật về xã hội, về tự nhiên đã được con người thừa nhận, là những yêu cầu có tính bắt buộc giúp hoạt động của con người đạt được mục tiêu. Các nguyên tắc và tiêu chí mà bài báo đề xuất là cơ sở khoa học để xây dựng NL chủ đề biển đảo; từ đó làm cho năng lực đọc hiểu chủ đề biển đảo của HSTH được phát triển, góp phần nâng cao nhận thức của các em về biển đảo, ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ biển đảo. Đó cũng là kết quả quan trọng, cốt lõi của công trình nghiên cứu khoa học do nhóm giảng viên Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và sĩ quan thuộc quân chủng Hải quân thực hiện. Kết quả nghiên cứu này mở ra định hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm xây dựng nguyên tắc, tiêu chí để thiết kế các NL cho nhiều chủ đề DH đọc hiểu môn TV ở TH.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh qua đề tài “Xây dựng ngữ liệu tham khảo về chủ đề biển đảo trong môn Tiếng Việt tiểu học”, mã số CS.2019.19.16, năm 2020.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2007). *Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 “về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”*.
- Bộ GD-ĐT (2011). *Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*.
- Bộ GD-ĐT (2015a). *Tiếng Việt 1*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ GD-ĐT (2015b). *Tiếng Việt 2*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ GD-ĐT (2015c). *Tiếng Việt 3*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ GD-ĐT (2015d). *Tiếng Việt 4*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ GD-ĐT (2015e). *Tiếng Việt 5*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- Cope, B., & Kalantzis, M. (2000). *Multiliteracies: Literacy Learning and the Design of Social Futures* (Vol. 66). Australia: Macmillan.
- Nguyễn Như Ý (chủ biên) - Nguyễn Văn Khang - Phan Xuân Thành (2005). *Từ điển tiếng Việt thông dụng*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thị Xuân Yên (2018). *Về khái niệm “literacy” và việc dạy học đọc, viết cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*. Tạp chí Giáo dục, số 433, tr 1-4.
- Quân chủng Hải quân (2016). *Biển đảo Việt Nam*, tập 1, tập 2. Phòng Quân chủng Hải quân xuất bản (Tài liệu lưu hành nội bộ).